

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng 3-2

Ngày 30/09/2025	19,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	12.7%	11.2%	1.0%

DT thuần Q3/25
124
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.00 -3.0%
YoY: ▲ 2.00 1.8%

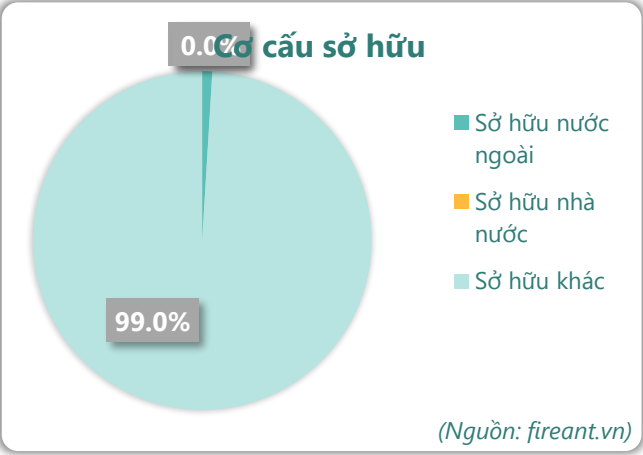
LN thuần Q3/25
9.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.68 -22.9%
YoY: ▲ 5.61 165%

LN sau thuế Q3/25
13.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.1 320%
YoY: ▲ 9.20 236%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
12.0%
YoY: +/- ▲ 14.8%

ROE (TTM) Q3/25
2.6%
YoY: +/- ▲ 1.7%

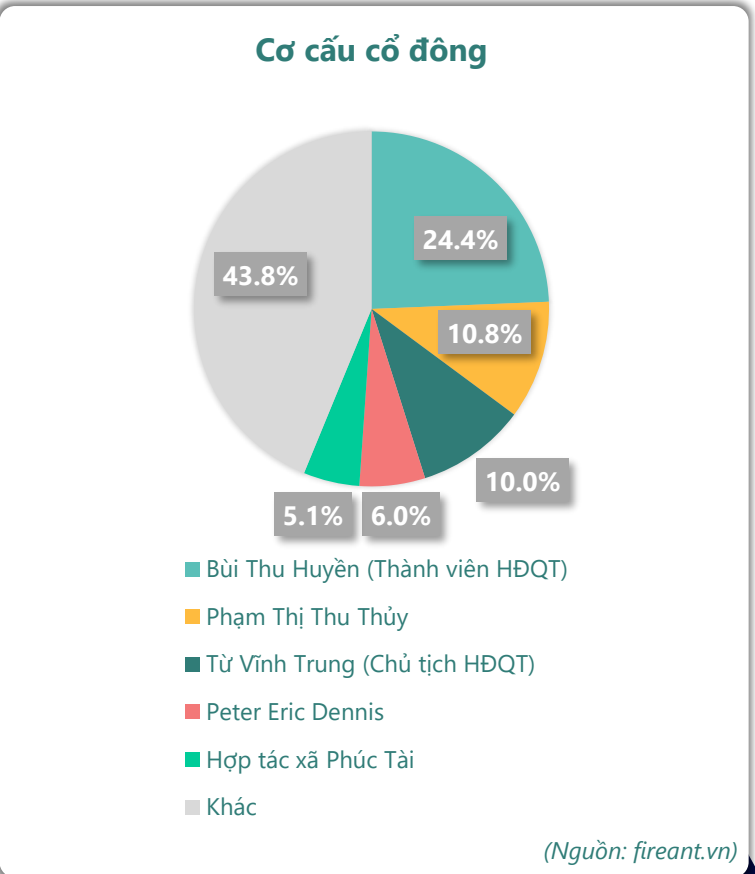
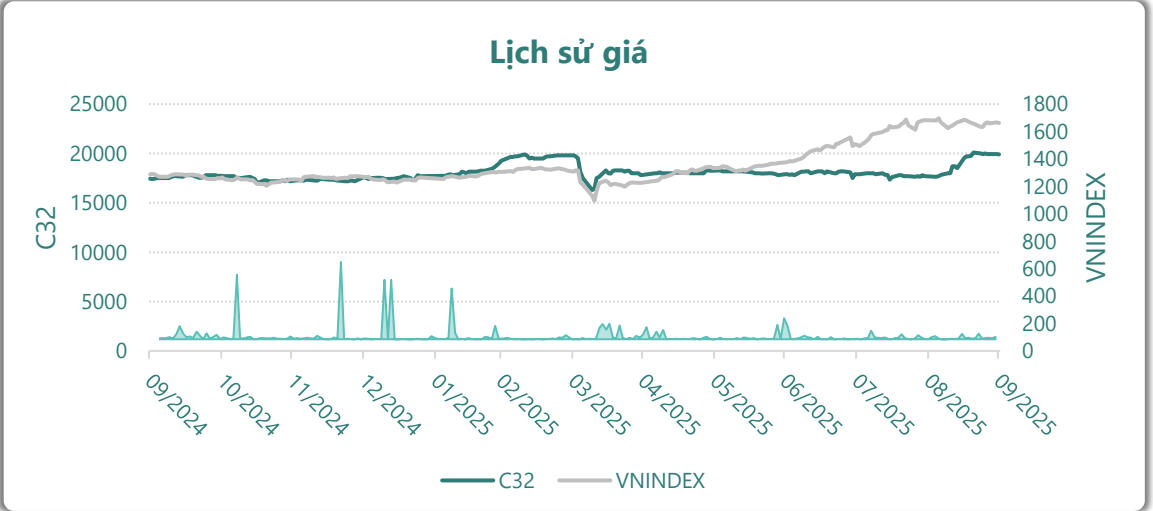
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,300 - 20,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	299
Số lượng CPLH (CP)	15,029,145
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,515
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.59
EPS	936
P/E	21.3



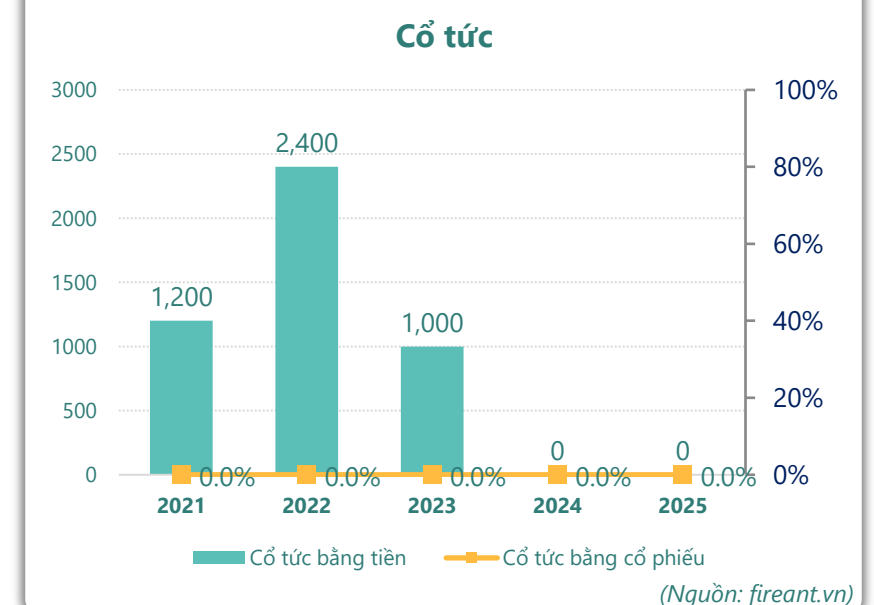
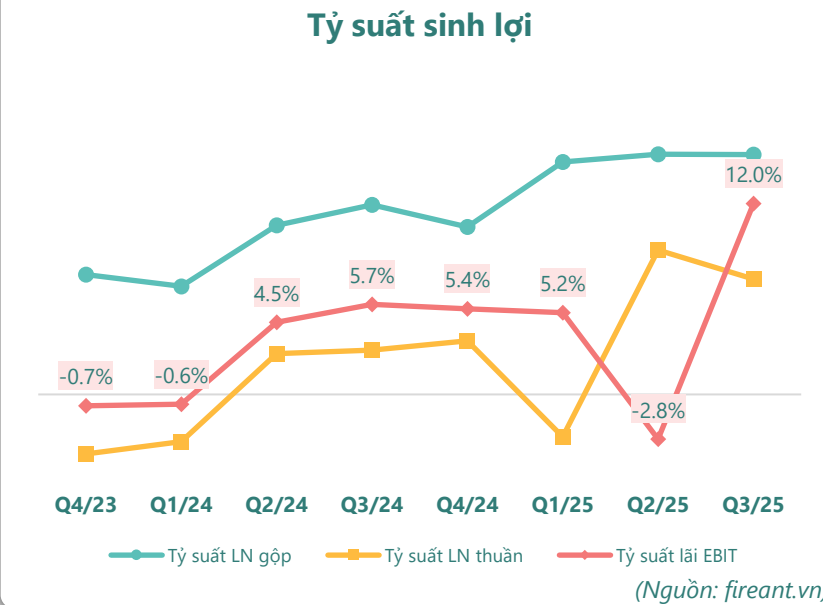
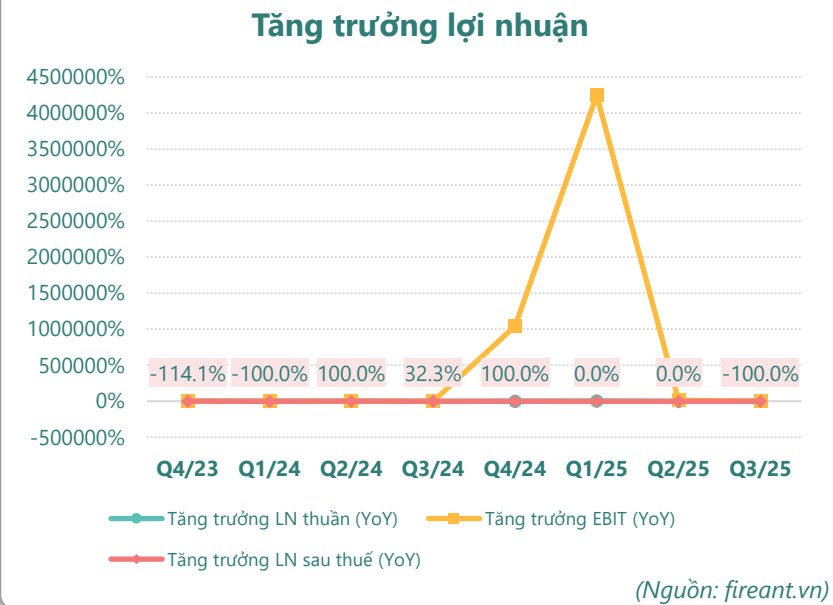
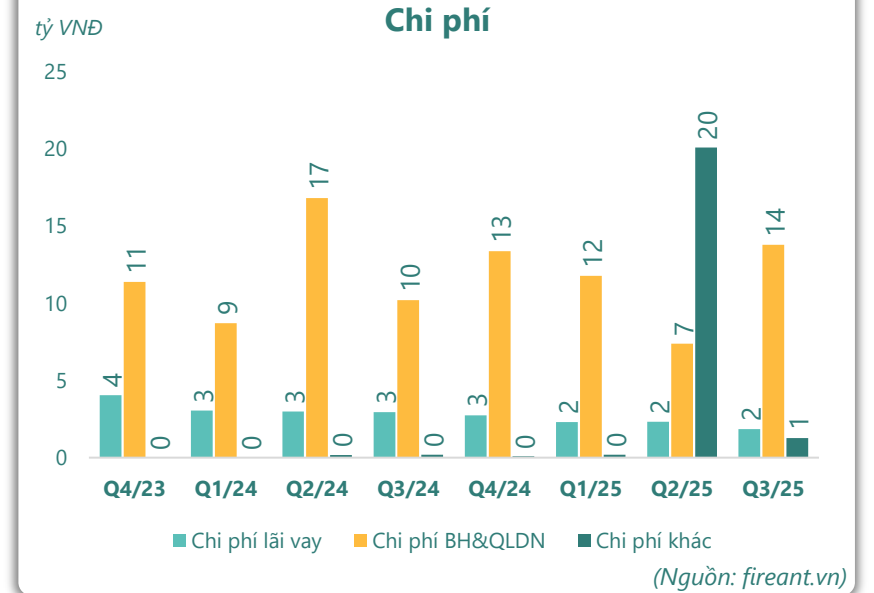
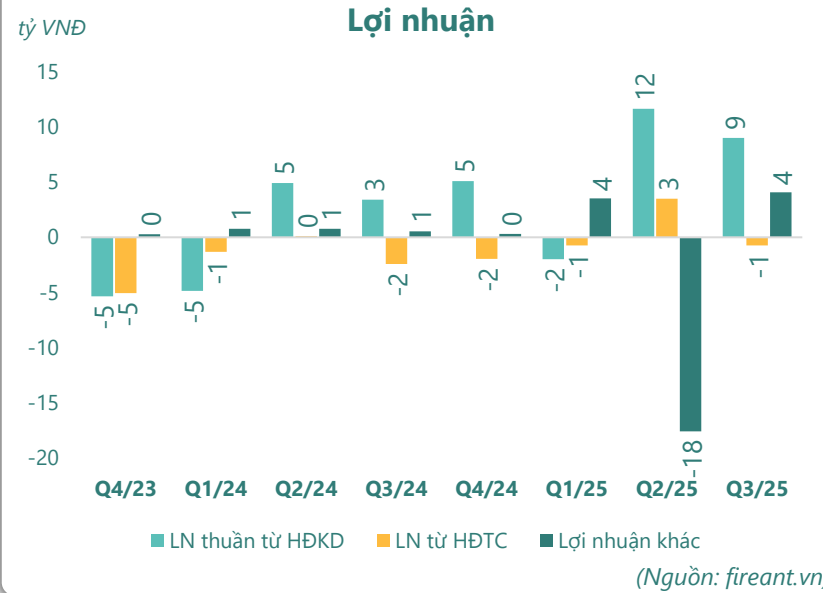
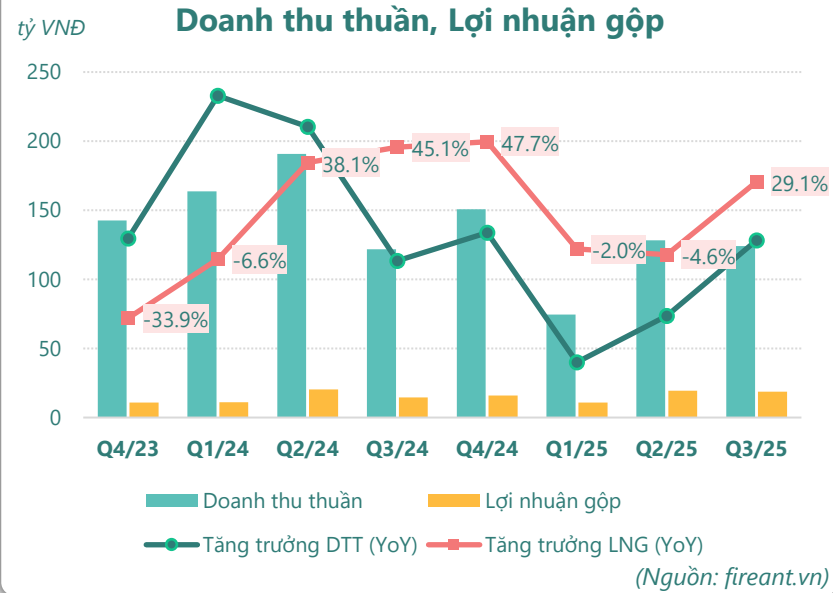
DT thuần 9T 2025
327
tỷ VNĐ
YoY: ▼149 -31.3%

LN thuần 9T 2025
18.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.2 439%

LN sau thuế 9T 2025
8.68
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.17 57.7%



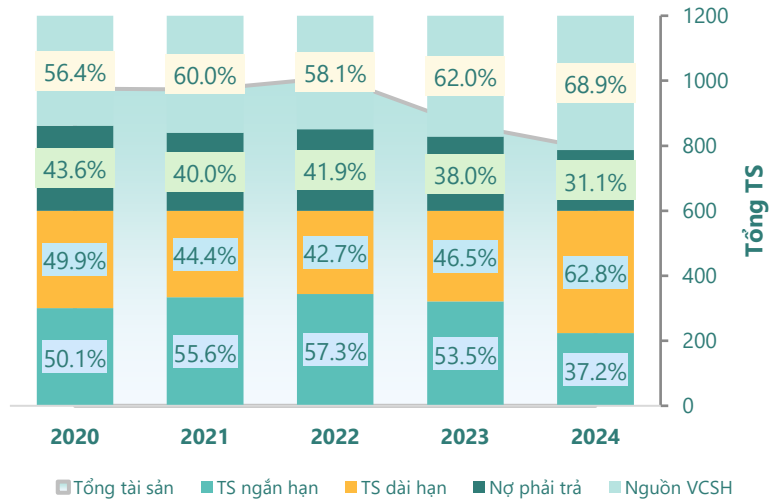
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

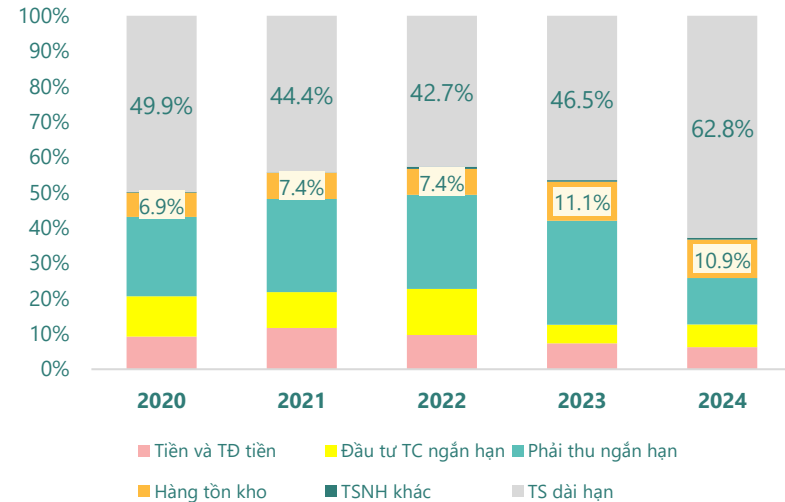
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

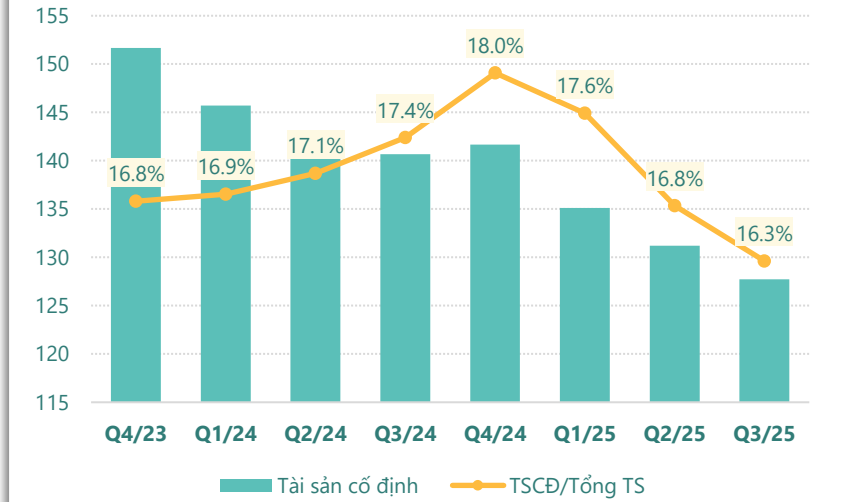
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

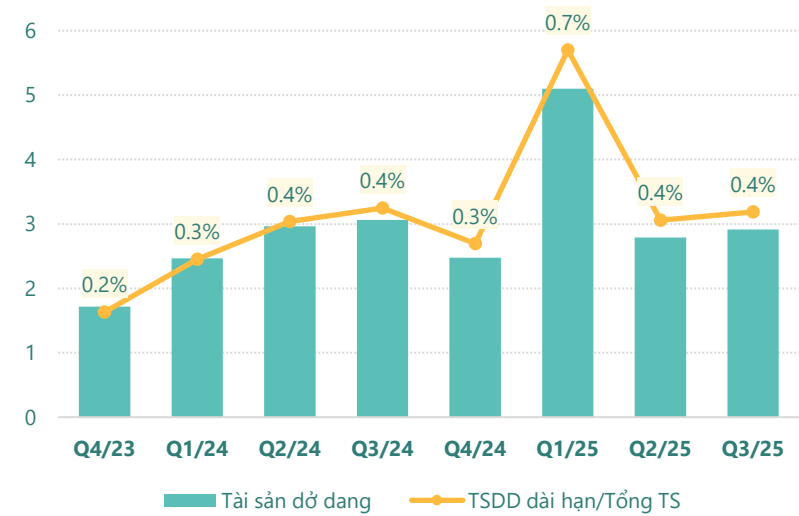
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

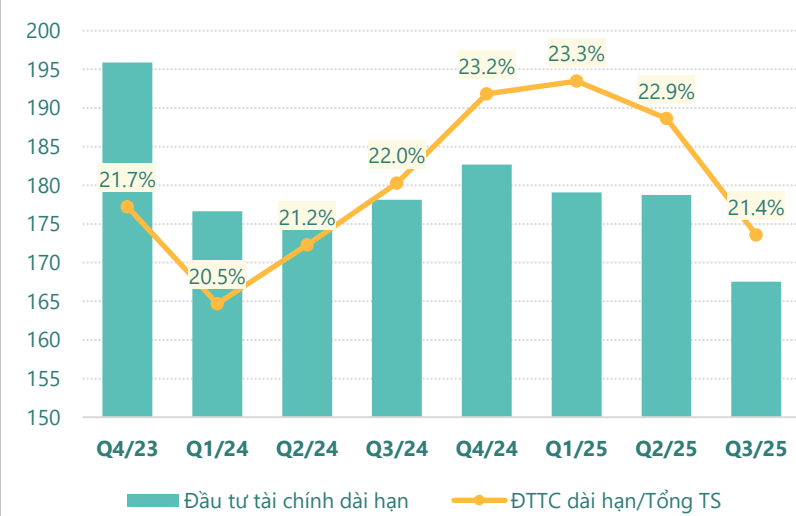
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

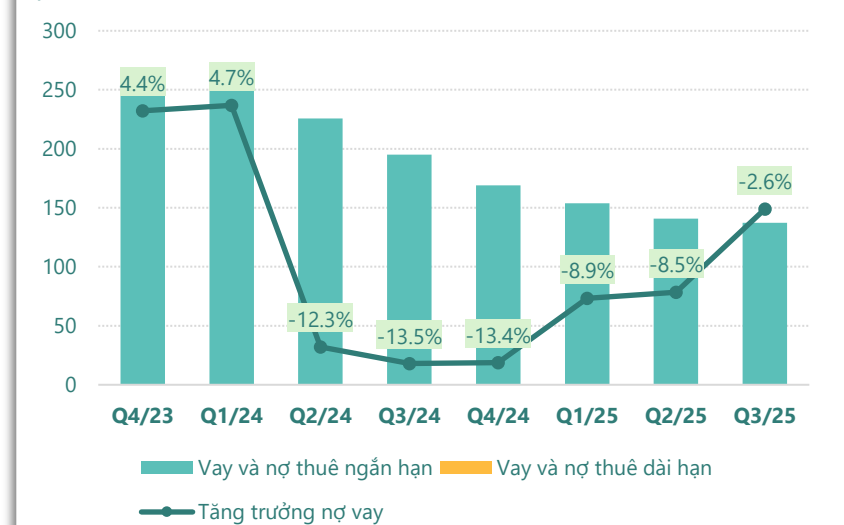
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

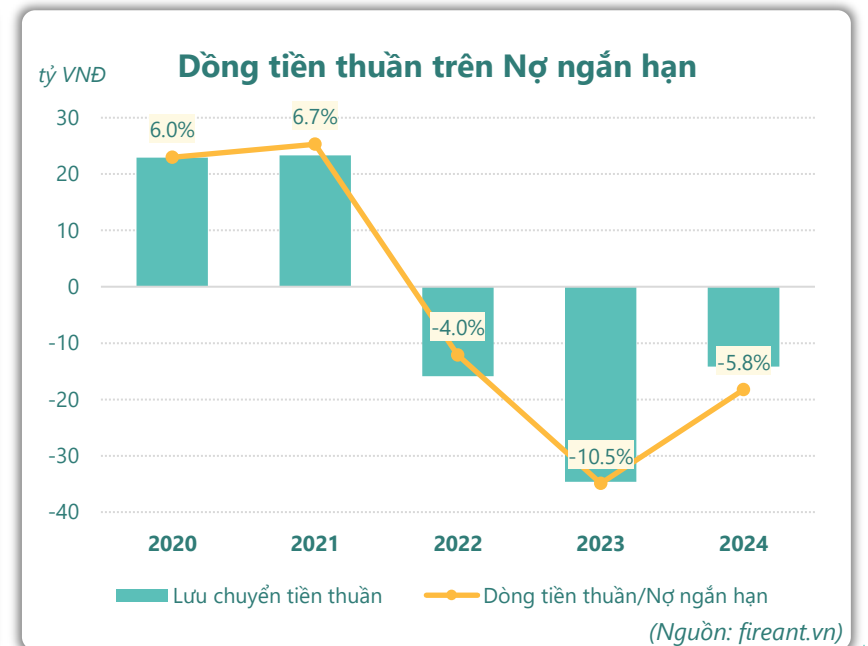
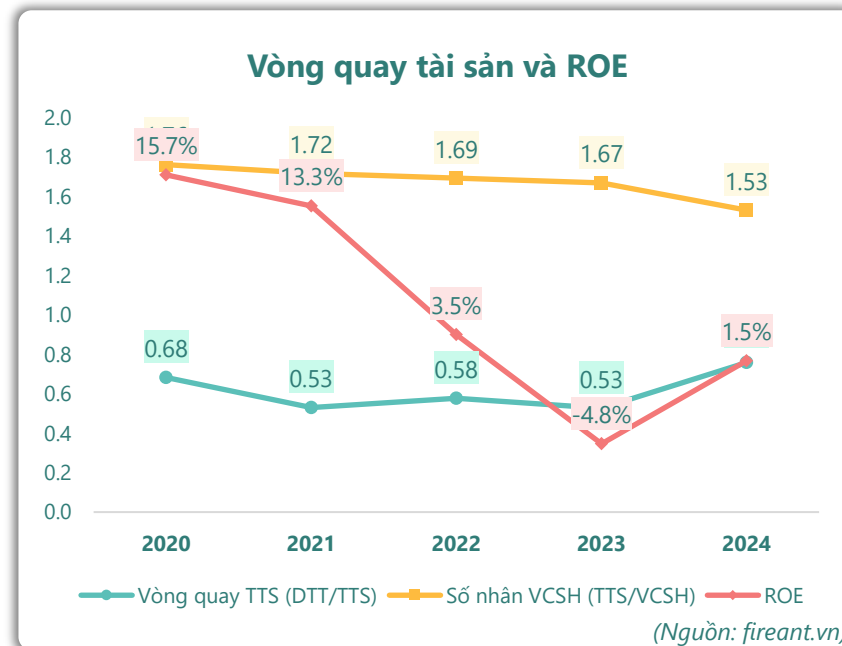
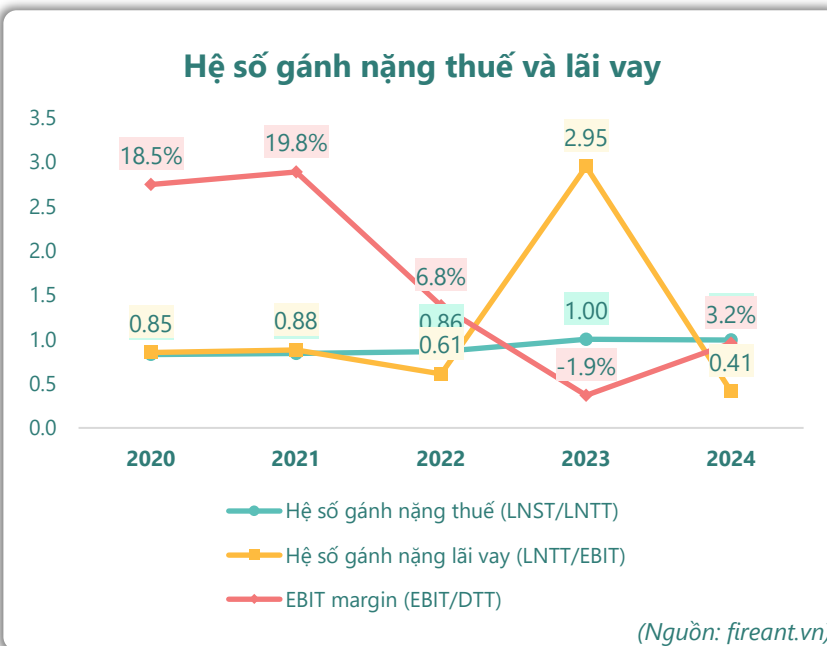
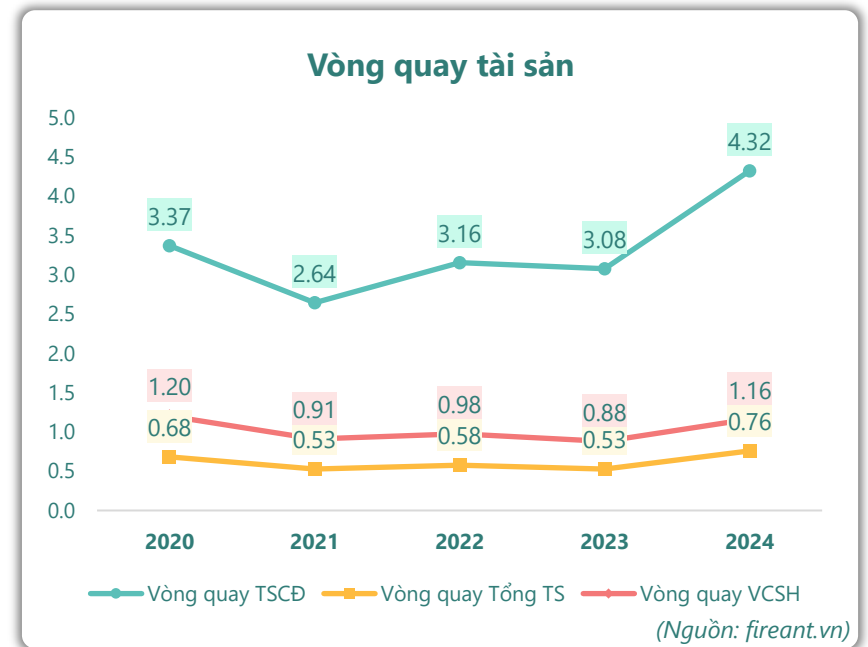
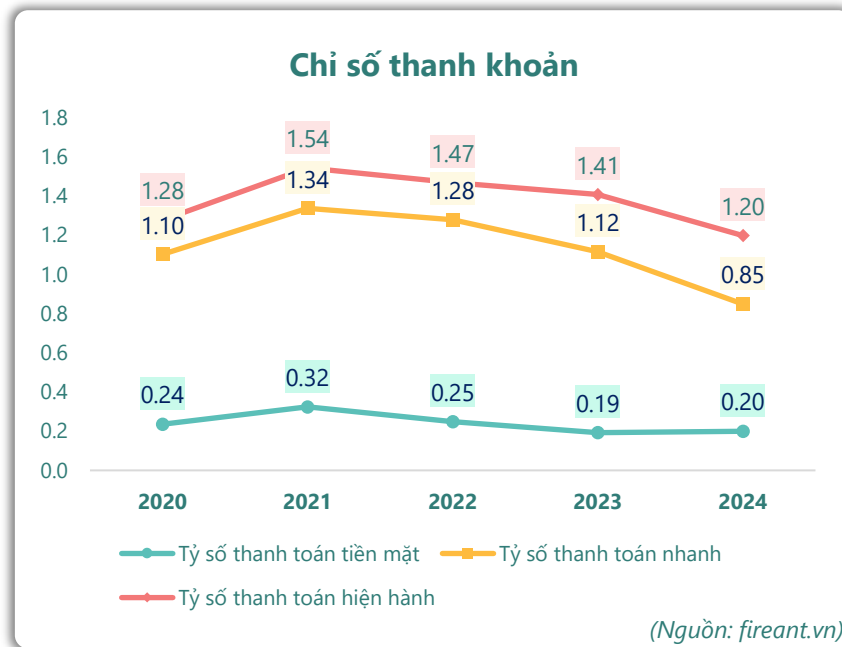
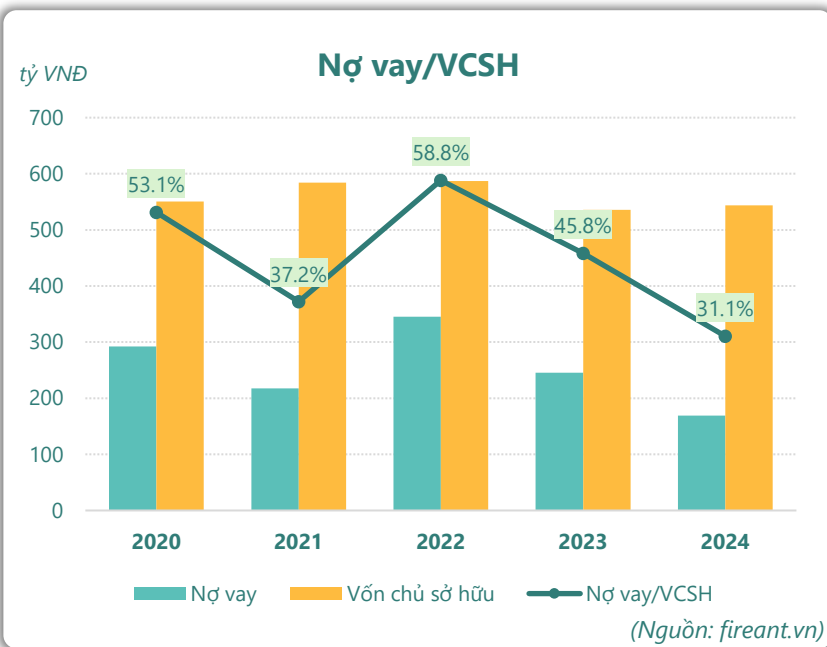
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	124	122	1.8%	327	476	-31.3%
Giá vốn hàng bán	105	107	-1.5%	278	430	-35.4%
Lợi nhuận gộp	18.8	14.5	29.5%	49.1	46.0	6.7%
Doanh thu HĐTC	2.49	0.91	173%	9.68	4.17	132%
Chi phí TC	3.23	3.33	-3.1%	7.68	7.78	-1.3%
Chi phí lãi vay	1.84	2.95	-37.5%	6.49	8.99	-27.8%
LN trong công ty LKLD	4.80	1.50	220%	0.57	-3.17	118%
Chi phí bán hàng	9.63	5.74	67.8%	24.3	19.1	27.5%
Chi phí QLDN	4.17	4.47	-6.7%	8.69	16.7	-48.0%
LN thuần từ HĐKD	9.02	3.41	165%	18.7	3.46	439%
Lợi nhuận khác	4.07	0.55	640%	-10.0	2.10	-576%
LN trước thuế	13.1	3.96	231%	8.68	5.57	56.0%
Lợi nhuận sau thuế	13.1	3.90	236%	8.68	5.51	57.7%
LNST của CĐ cty mẹ	13.1	3.91	235%	8.68	5.51	57.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.6	54.5	26.2	-0.41	23.7	-1.72
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.30	2.72	-1.14	2.01	4.36	19.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-32.1	-30.4	-26.2	-15.0	-13.0	-3.66
Tiền đầu kỳ	28.6	23.5	50.3	49.1	35.6	50.6
Lưu chuyển tiền thuần	-5.18	26.8	-1.21	-13.4	15.0	13.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	23.5	50.3	49.1	35.6	50.6	64.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	784	789	-0.5%
Tài sản ngắn hạn	314	293	7.0%
Tiền và tương đương tiền	64.4	49.1	31.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.9	50.7	-11.4%
Phải thu ngắn hạn	80.8	104	-22.2%
Hàng tồn kho	120	85.6	40.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.93	4.30	-8.5%
Tài sản dài hạn	471	495	-5.0%
Phải thu dài hạn	105	105	0.2%
Tài sản cố định	128	138	-7.6%
Bất động sản đầu tư	8.43	6.28	34.2%
Tài sản dở dang	2.92	2.48	17.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	168	183	-8.6%
Tài sản dài hạn khác	59.2	60.2	-1.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	233	245	-4.8%
Nợ ngắn hạn	233	245	-4.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	137	169	-18.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.9	16.4	15.1%
Nợ dài hạn	0.04	0.04	2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	551	544	1.4%
Vốn chủ sở hữu	551	544	1.4%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

